

Bản án số: 258/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 09 - 12 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Phong và bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trường - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 212/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2020/QĐXX - ST ngày 13 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nghiêm Thị Quỳnh N, sinh năm 1980; HKTT: Tiểu khu N, thị trấn T, huyện T1, thành phố Hà Nội; Hiện trú tại: Thôn K, xã H, huyện T1, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn T2, sinh năm 1976; HKTT: Thôn An C, xã H, huyện P, thành phố Hà Nội; Hiện trú tại: Thôn K, xã H, huyện T1, thành phố Hà Nội.

Chị N có mặt, anh T2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nghiêm Thị Quỳnh N trình bày:

Chị kết hôn với anh Lê Văn T2 từ tháng 12 năm 2001 là hôn nhân tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P, tỉnh Hà Tây(nay là thành phố Hà Nội). Sau khi cưới vợ chồng chị chung sống với khoảng một năm tại thôn A, xã H, huyện P. Sau đó, do đặc thù công việc chị công tác tại Công an huyện T1, anh T2 công tác tại Công ty điện lực T1 nên hai vợ chồng chị chuyển lên sinh sống tại thôn K, xã H, huyện T1, thành phố Hà Nội. Hiện nay vợ chồng chị sinh sống tại thôn K, xã H huyện T1, thành phố Hà Nội nhưng không đăng ký tạm trú tại đây.

Thời gian vợ chồng sinh sống với nhau xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hơn nữa anh Tuấn thường xuyên nghi ngờ chị không chung thủy, hay ghen tuông vô cớ, dẫn đến cuộc sống vợ chồng rất ngột ngạt, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng, đời sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn quá trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2020 đến nay. Thời gian vợ chồng ly thân anh T2 có níu kéo, tuy nhiên anh chỉ níu kéo bằng mồm, anh lại làm hành động hoàn toàn ngược lại, thậm chí anh Tuấn còn làm đơn ra cơ quan chị đang công tác, gây ảnh hưởng đến công việc và sự phát triển của chị.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức nên tôi tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T2.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Thanh T3 sinh ngày 22/4/2003 và Lê Quỳnh A sinh ngày 09/5/2006. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không đề nghị anh T2 cấp dưỡng. Chị hiện công tác tại Công an huyện T1 với mức lương khoảng 13.600.000đồng.

Vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vợ chồng không nợ nần gì ai nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Phía bị đơn Lê Văn T2 trình bày:

Anh T2 thừa nhận quá trình tìm hiểu, kết hôn đúng như chị Nghiêm Thị Quỳnh N đã trình bày. Theo anh, quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh nghi ngờ chị N không chung thủy, mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng anh đã ly thân khoảng 05 – 06 tháng nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, tuy nhiên anh muốn níu kéo vì các con, quan điểm của anh là anh đã níu kéo mà chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng buông, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng có hai con chung là Lê Thanh T3 sinh ngày 22/4/2003 và Lê Quỳnh A sinh ngày 09/5/2006. Trường hợp phải ly hôn, anh tôn trọng nguyện vọng của các cháu, các cháu muốn ở với bố hoặc mẹ anh cũng nhất trí, nếu cả hai cháu đều muốn ở cùng mẹ thì anh cũng đồng ý và đề nghị tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vợ chồng không nợ nần gì ai nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Các đương sự đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được...nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của chị Phạm Thị Nhung và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho chị Nghiêm Thị Quỳnh N được ly hôn anh Lê Văn T2; giao cả hai con chung là Lê Thanh T3 sinh ngày 22/4/2003 và Lê Quỳnh A sinh ngày 09/5/2006 cho chị Nghiêm Thị Quỳnh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm

miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T2; tài sản chung: không đề nghị Tòa án xét nên Tòa không xét; công nợ chung: không có, các bên đều không đề nghị Tòa xét nên không đặt ra; Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, bị đơn có địa chỉ tại thôn A, xã H, huyện P nên TAND huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nghiêm Thị Quỳnh N và anh Lê Văn T là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (Đăng ký kết hôn số 45 ngày 15/12/2001). Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cộng với tính cách không hòa hợp mỗi bên, không tôn trọng, tin tưởng nhau trong cuộc sống từ đó nảy sinh những xung đột mà đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng từ tháng 5/2020 khiến vợ chồng ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng cho đến nay.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, bản thân anh Tuấn cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, muốn níu kéo chị Nga chỉ vì các con và đã sống ly thân nhau thời gian quá lâu, đời sống vợ chồng không có cơ hội hàn gắn, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không còn ý nghĩa.... Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của chị N xin ly hôn anh T2 là có căn cứ, nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị N ly hôn anh T2

Về con chung: Chị Nga và anh Tuấn có 02 con chung là Lê Thanh T3 sinh ngày 22/4/2003 và Lê Quỳnh A sinh ngày 09/5/2006.

Hội đồng xét xử xét thấy: Xét quan điểm của chị N là mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không đề nghị anh T2 cấp dưỡng, hơn nữa nguyện vọng của các cháu cũng là muốn được ở cùng với mẹ; còn quan điểm của anh T2 thì đồng ý để cả hai cháu ở cùng với chị N và đề nghị tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất và tính ổn định trong sự phát triển của con chung, căn cứ các Điều 58, 81, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cả hai con chung Lê Thanh T3 sinh ngày 22/4/2003 và Lê Quỳnh A sinh ngày 09/5/2006 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm miễn cấp dưỡng

nuôi con chung cho anh T2 đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị Tòa xét nên Tòa không xét.

Về công nợ chung: Các bên đều khẳng định vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa không xét.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn chị N và bị đơn anh T2 có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nghiêm Thị Quỳnh N được ly hôn anh Lê Văn T2.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Lê Thanh T3 sinh ngày 22/4/2003 và Lê Quỳnh A sinh ngày 09/5/2006 cho chị Nghiêm Thị Quỳnh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T2 đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Anh T2 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở

3. Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị xem xét nên không xét.

4. Về án phí: Chị Nghiêm Thị Quỳnh N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005922 ngày 28/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện P;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện P;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Văn Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

